

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ LÀO CAI

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HĐTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	Ngô Quỳnh	Anh				1	4	1989	Xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế đầu tư		LCA00023		90.00	MT	80.00		LCA00024
2	Nguyễn Thị Lan	Anh				2	5	1984	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Đại học Dân lập Duy Tân	Kế toán Doanh nghiệp		LCA00032		70.00	52.50	52.50		LCA00031
3	Phạm Ngọc	Anh				18	1	1989	Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Đại học Thăng Long	Tài chính kế toán		LCA00047		VT	VT	VT		LCA00059
4	Phạm Hồng	Ánh				1	9	1989	Xã Xuân Phong, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	Đại học Kinh tế quốc dân	Ngân hàng		LCA00070		VT	VT	VT		LCA00009
5	Nguyễn Kim	Chi				24	2	1993	Xã Tràng Cát, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng	Đại học Ngoại thương	Kế toán		LCA00091		47.50	85.00	60.00		LCA00008
6	Phạm Văn	Chung	19	4	1990				Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Đại học Kinh tế quốc dân	Ngân hàng		LCA00109		22.50	62.50	72.50		LCA00003
7	Phạm Duy	Cường	17	2	1993				xã Trung Lương, Bình Lục, Hà Nam	Viện Đại học Mở Hà Nội	Luật kinh tế		LCA00126		42.50	26.25	70.00		LCA00018
8	Ví Hùng	Cường	7	11	1990				Xã Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế phát triển		LCA00127		VT	MT	VT		LCA00001
9	Mai Quốc	Đạt	27	6	1993				Bảo Nhai - Bắc Hà - Lào Cai	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà nội	Tài chính	DTTS	LCA00136	20	42.50	32.50	45.00		LCA00066
10	Nguyễn Thị Minh	Diệu				16	8	1993	Xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Học viện Tài chính	Thuế		LCA00154		72.50	50.00	72.50		LCA00014
11	Trương Khắc	Đông	9	1	1988				Xã Hoàng Đông, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Học viện Tài chính	Kiểm toán		LCA00161		VT	VT	VT		LCA00041
12	Hoàng Việt	Đức	8	2	1993				Xã Đại Lịch, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	Học viện Tài chính	Thuế	DTTS	LCA00163	20	57.50	51.25	60.00		LCA00007
13	Nguyễn Tiến	Dũng	9	8	1992				Thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	Học viện Tài chính	Thuế		LCA00198		VT	VT	VT		LCA00039
14	Nguyễn Thủy	Dương				1	5	1984	Yên Luật - hạ Hòa - Phú Thọ	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh		LCA00210		45.00	45.00	35.00		LCA00069
15	Trần Thu	Giang				29	5	1995	Tây Tiến - Tiền Hải - Thái Bình	Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh	Kế toán Doanh nghiệp		LCA00241		42.50	47.50	60.00		LCA00051
16	Nguyễn Thị Thanh	Hải				4	10	1991	Xã Tân Dân, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	Đại học Thương mại	Kế toán Doanh nghiệp		LCA00298		72.50	36.25	65.00		LCA00016
17	Phan Nguyễn Quang	Hải	10	9	1989				Y Sơn - hạ Hòa - Phú Thọ	Đại học Thiết kế và thương mại Raffles	Tài chính		LCA00305		70.00	MT	72.50		LCA00061
18	Nguyễn Kim	Hạnh				1	11	1990	Xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		LCA00352		57.50	36.25	52.50		LCA00022
19	Lưu Thị	Hậu				15	11	1986	Xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	Đại học Thương mại	Kế toán Doanh nghiệp		LCA00370		VT	VT	VT		LCA00029
20	Trần Thị	Hiền				22	8	1983	Xã Tiên Lữ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà nội	Kế toán	Con TB	LCA00396	20	40.00	31.25	47.50		LCA00055
21	Trần Thị Thu	Hiền				20	7	1990	Xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà nội	Kế toán - Kiểm toán		LCA00398		55.00	MT	60.00		LCA00034
22	Nguyễn Thế	Hiệp	26	9	1994				Đồn Xá - Bình Lục - Hà nam	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà nội	Tài chính		LCA00403		42.50	70.00	67.50		LCA00063
23	Phùng Thị Vân	Huế				26	12	1992	Xã Văn Tiến, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên	Kế toán tổng hợp		LCA00479		62.50	51.25	62.50		LCA00019

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
24	Bùi Việt	Hùng	10	9	1988				Hợp Minh - Yên Bái - Yên Bái	Đại học Tài chính ngân hàng Hà Nội	Kế toán		LCA00492		50.00	43.75	57.50		LCA00064
25	Phạm Thị	Hương				15	11	1994	Xã Đoan Hạ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ	Học viện Chính sách và Phát triển	Quản trị doanh nghiệp		LCA00544		72.50	55.00	75.00		LCA00036
26	Lê Thu	Hường				16	7	1991	Xã Yên Thọ, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính		LCA00548		VT	VT	VT		LCA00027
27	Hà Thu	Huyền				22	2	1989	Xã Đông Hòa, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Đại học Thương mại	Kế toán - Tài chính doanh nghiệp		LCA00566		40.00	30.00	35.00		LCA00032
28	Nguyễn Thanh	Huyền				21	10	1990	Xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	Học viện Tài chính	Hải quan		LCA00575		72.50	62.50	67.50		LCA00004
29	Nguyễn Thu	Huyền				18	7	1989	Phường Lương Văn Thụy, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	Học viện Ngân hàng	Kế toán Doanh nghiệp		LCA00583		VT	VT	VT		LCA00002
30	Tạ Thị Thương	Huyền				4	9	1986	Xã Hương Xá, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		LCA00591		42.50	37.50	35.00		LCA00054
31	Lê Bảo	Khánh	22	9	1989				Xã Mậu Lâm, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Thương mại	Kế toán Doanh nghiệp		LCA00598		50.00	42.50	62.50		LCA00026
32	Nguyễn Trung	Kiên	10	12	1990				Minh Quang - Ba Vì - Hà Nội	Đại học Thương mại	Kế toán Doanh nghiệp		LCA00616		57.50	42.50	72.50		LCA00048
33	Cù Đức	Lâm	21	11	1990				Nân Sán - Si Ma Cai - Lào cai	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán Doanh nghiệp	DTTS	LCA00623	20	50.00	60.00	57.50		LCA00068
34	Đinh Ngọc Châu	Linh				25	11	1990	Xã Gia Phong, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Học viện Tài chính	Thuế	DTTS	LCA00673	20	VT	VT	VT		LCA00042
35	Lê Thùy	Linh				21	9	1994	Xã Đa Sỹ, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội	Học viện Chính sách và Phát triển	Kế hoạch phát triển		LCA00688		47.50	50.00	60.00		LCA00057
36	Đàm Thị Thanh	Loan				1	8	1990	Xã Nam Tiến, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Đại học Kinh tế quốc dân	Ngân hàng		LCA00718		VT	VT	VT		LCA00033
37	Dương Đình	Lợi	15	11	1991				Xã Tiểu Động, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Học viện Tài chính	Tài chính Doanh nghiệp		LCA00729		72.50	43.75	77.50		LCA00035
38	Hoàng Gia	Long	23	1	1990				X. Giao Tiến, H.Giao thủy, T. Nam Định	Đại học Monash	Tài chính - Ngân hàng		LCA00735		60.00	MT	70.00		LCA00070
39	Trần Thị Ngọc	Mai				20	2	1991	Xã Ngĩa Đồng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Học viện Ngân hàng	Tài chính Doanh nghiệp		LCA00775		92.50	60.00	70.00		LCA00013
40	Vũ Thị	Mai				30	5	1991	Xã Trù Hữu, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp	Tài chính Doanh nghiệp		LCA00779		VT	VT	VT		LCA00015
41	Đinh Trọng	Minh	23	6	1983				Việt Hồng - Trấn Yên - Yên Bái	Đại học Luật Hà Nội	Luật	DTTS	LCA00790	20	VT	VT	VT		LCA00049
42	Đỗ Thị	Nghĩa				3	8	1990	Xã Công Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Kế toán		LCA00843		70.00	53.75	72.50		LCA00011
43	Đỗ Thị Phương	Ngọc				2	1	1994	Chính Lý - Lý Nhân - Hà nam	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà nội	Kế toán		LCA00852		47.50	51.25	62.50		LCA00065
44	Nguyễn Bích	Ngọc				9	12	1993	Xã Ngọc sơn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Quản trị kinh doanh		LCA00860		42.50	58.75	50.00		LCA00040
45	Giăng Thị	Nguyên				16	2	1994	Quang Kim - Bát Xát - Lào Cai	Đại học Công đoàn	Tài chính Doanh nghiệp	DTTS	LCA00876	20	VT	VT	VT		LCA00047
46	Phạm Ngọc Yến	Nhi				13	9	1991	Nghĩa Trung - Nghĩa Hưng - Nam Định	Đại học lao động thương binh xã hội	Kế toán		LCA00898		45.00	28.75	42.50		LCA00046
47	Vũ Thùy	Nhung				30	9	1991	Xã Đồng Tâm, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Đại học Luật Hà Nội	Luật	DTTS	LCA00922	20	VT	VT	VT		LCA00058
48	Nguyễn Thị Quỳnh	Oanh				13	12	1990	Xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh tổng hợp		LCA00934		70.00	52.50	60.00		LCA00021
49	Nguyễn Thị Thu	Phương				19	7	1991	Xã Xuân Dương, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà nội	Kế toán		LCA00966		VT	VT	VT		LCA00030
50	Trần Thị Thu	Phương				29	10	1992	Xã Ngọc Lũ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Học viện Tài chính	Tài chính - Ngân hàng		LCA00980		55.00	51.25	67.50		LCA00020
51	Vũ Thị Lan	Phương				11	2	1991	Xã Tinh Cương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ	Viện Đại học Mở Hà Nội	Tài chính - Ngân hàng		LCA00984		50.00	40.00	70.00		LCA00017
52	Võ Thị Minh	Phương				25	3	1992	Xã Phong Thịnh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Học viện Tài chính	Thuế		LCA00999		85.00	48.75	77.50		LCA00023

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
53	Vũ Thị	Phượng				8	3	1993	Trực Đại - Trực Ninh - nam Định	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế và quản lý đô thị		LCA01000		VT	VT	VT		LCA00067
54	Hà Mạnh	Quân	10	11	1991				Giới Phiên, Trần Yên, Yên Bái	Đại học Lương Thế Vinh	Tài chính - Ngân hàng		LCA01002		VT	VT	VT		LCA00072
55	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh				17	1	1992	Xã Bảo Đáp, huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái	Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp	Kế toán		LCA01036		42.50	27.50	65.00		LCA00037
56	Phạm Thị Bích	Thảo				2	9	1989	Xã Hùng Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà nội	Ngân hàng		LCA01150		45.00	60.00	62.50		LCA00056
57	Nguyễn Thị Hoài	Thu				5	9	1993	Liên Sơn - Kim Bảng - Hà Nam	Đại học Luật Hà Nội	Luật		LCA01195		VT	VT	VT		LCA00050
58	Đào Minh	Thúy				28	2	1990	Xã Trục Đông, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định	Học viện Tài chính	Tài chính - Ngân hàng		LCA01217		60.00	28.75	70.00		LCA00053
59	Nguyễn Thị Hương	Thùy				23	9	1992	Xã Ca Đình, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ	Học viện Hành chính	Quản lý tài chính công		LCA01234		52.50	45.00	60.00		LCA00025
60	Trần Thị	Thùy				6	9	1987	Trục Tuấn - Trực Ninh - Nam Định	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà nội	Tài chính ngân hàng		LCA01255		55.00	36.25	52.50		LCA00062
61	Đào Thị Thu	Trang				16	2	1994	Văn Mĩ, Văn Lâm, Hưng Yên	Đại học Điện lực	Kế toán doanh nghiệp		LCA01285		37.50	41.25	55.00		LCA00071
62	Đỗ Hà	Trang				18	12	1992	Xã Tân An, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương	Đại học Thăng Long	Kế toán		LCA01288		87.50	53.75	77.50		LCA00052
63	Đoàn Huyền	Trang				10	7	1991	Xã Tiên Minh, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng	Đại học Công đoàn	Luật học		LCA01289		VT	VT	VT		LCA00012
64	Ngô Thị Hà	Trang				26	11	1993	Xã Cao Minh, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		LCA01307		75.00	38.75	72.50		LCA00006
65	Nguyễn Thị Hiền	Trang				29	7	1992	Xã Xuân Châu, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	Đại học Thành Đô	Tài chính - Ngân hàng		LCA01317		52.50	31.25	47.50		LCA00028
66	Nguyễn Thị Huyền	Trang				8	11	1982	Phú Lương - Đông Hưng - Thái Bình	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		LCA01318		40.00	27.8	57.50	Cảnh cáo	LCA00044
67	Nguyễn Thị Thu	Trang				1	11	1992	Hương Sơn - Thái Nguyên - Thái Nguyên	Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông	Tin học kế toán		LCA01332		42.50	37.50	45.00		LCA00060
68	Vũ Thùy	Trang				20	11	1992	Xã Thạch Lỗi, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính		LCA01346		80.00	MT	77.50		LCA00005
69	Phạm Long	Tuấn	28	8	1994				Xã Đông Thọ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Đại học Bách khoa Hà Nội	Kế toán		LCA01388		82.50	62.50	87.50		LCA00038
70	Nguyễn Văn	Viễn	23	9	1992				Xã Thái Phương, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên	Kinh tế đầu tư		LCA01441		45.00	42.50	67.50		LCA00010
71	Trịnh Đức	Vinh	24	9	1984				Hồng Thái - Ninh Giang - Hải Dương	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán tổng hợp		LCA01451		57.50	38.75	50.00		LCA00045
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			